

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày: 29/6/2020

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG- TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Đinh Thị Hải**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Mai Xuân Thành**

**Ông Nguyễn Duy Khải**

*Thư ký phiên tòa:* **Ông Bùi Hoàng Long** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa:* **Ông Bùi Quang Thế** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2020/TLST - DS ngày 19/02/2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 09/6/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Đàm Thị B**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn 5A, xã L, huyện P, Bình Phước

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Bà **Nguyễn Thị Bách T** – sinh năm 1984. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: KP X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

*Bị đơn:* Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1986. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 5A, xã L, huyện P, Bình Phước

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Dương Văn Q**, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Ông **Bùi Viết X** – sinh năm 1974. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 5A, xã L, huyện P, Bình Phước.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*Theo đơn khởi kiện và lời khai lưu tại hồ sơ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bách T và nguyên đơn bà Đàm Thị B trình bày:**

Bà Đàm Thị B và vợ chồng bà Lê Thị T, ông Dương Văn Q là hàng xóm gần nhà nhau. Ngày 02/02/2019 (dương lịch), bà cho bà T vay số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) để bà T mua hạt điều về bán. Giữa hai bên có làm giấy vay nợ lập ngày 02/02/2019 có nội dung: Đến ngày 02/02/2020 bà T phải trả tiền cho bà. Bà cho bà T vay tiền không tính lãi suất. Sau khi vay được tiền của bà, bà T đã mua hạt điều về bán.

Từ tháng 6/2019, bà thấy bà T không có ở nhà nữa. Bà có gọi điện hỏi thì bà T bảo về quê Thanh Hóa ăn đám cưới em trai. Khoảng 01 tháng sau, bà thấy bà T về nhà vài ngày rồi lại đi. Bà gọi điện yêu cầu bà T về nói chuyện. Khi bà T về nhà, bà sang nhà bà T nói chuyện về số tiền còn nợ bà, bà T hứa mỗi tháng trả góp cho bà 10.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 8/2019. Nhưng sau khi hứa trả tiền xong, bà T lại bỏ nhà đi không trả tiền như đã hứa, không nghe điện thoại của bà và cũng không về nhà nữa.

Trong thời gian bà T bỏ nhà đi, ông Dương Văn Q chồng bà T vẫn có ở nhà nhưng không ông Q nói không biết chuyện bà T vay tiền của bà và không đồng ý trả tiền cho bà. Đến gần Tết âm lịch năm 2020, ông Q cũng bỏ nhà đi luôn. Bà không biết vợ chồng ông Q, bà T hiện đang ở đâu.

Mặc dù bà T là người trực tiếp vay tiền của bà, giấy vay nợ chỉ có một mình bà T viết và ký tên, không có tên ông Q nhưng bà T vay tiền để mua hạt điều về buôn bán, phục vụ mục đích kinh tế của gia đình. Do đó, bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc cả hai vợ chồng ông Q, bà T cùng phải có trách nhiệm trả số tiền 140.000.000 đồng cho bà, không yêu cầu trả tiền lãi.

Số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng bà.

**\* Bị đơn bà Lê Thị T trình bày:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật và tiến hành thông báo tìm

kiểm bà T trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà T vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của bà T.

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Viết Xuân trình bày:**

Ngày 02/2/2019, bà T hỏi vay vợ ông (bà B) số tiền 140.000.000 đồng, không tính lãi, thời hạn vay 12 tháng, đến ngày 02/2/2020 trả nợ. Tuy nhiên đến hạn trả nợ, bà T chây ì không trả. Sau này bà B kể lại ông mới biết sự việc trên. Việc vay mượn này là việc riêng giữa vợ ông (bà B) và bà T, không liên quan đến ông.

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Q trình bày:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật và tiến hành thông báo tìm kiếm ông Q trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông Q vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của ông Q.

**\* Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Lê Thị T phải trả cho bà Đàm Thị B số tiền 140.000.000 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

Nguyên đơn bà Đàm Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị T phải trả số tiền vay 140.000.000 đồng. Mặc dù bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Q vắng mặt tại địa phương nhưng tại hợp đồng vay nợ lập giữa hai bên có ghi địa chỉ của bà T cư trú tại thôn 5A, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị

quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 05/5/2017.

Bị đơn bà Lê Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Q mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt 02 lần tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Viết Xuân có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về nội dung:**

Nguyên đơn bà Đàm Thị B yêu cầu bị đơn bà Lê Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Q trả số tiền vay 140.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự bà T, ông Q vắng mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B. Tuy nhiên, tại Giấy vay nợ không đề ngày tháng có chữ ký bà Lê Thị T có nội dung *“Tôi là Lê Thị T, SCM 173834804. Địa chỉ: Thôn 5A, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, tôi có vay của chị B số tiền là 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu đồng). Từ ngày 2/2/2019 tức ngày 28/12/2018 đến hết ngày 2/2/2020 tôi sẽ hoàn trả số tiền đó cho chị. Nếu tôi không trả được tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật”*. Như vậy, căn cứ vào Giấy nhận nợ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bà T đã vay bà B số tiền 140.000.000 đồng, thời hạn vay tiền tính từ ngày 2/2/2019 đến 2/2/2020. Đến nay, bà T vẫn chưa trả số tiền trên cho bà B là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Tuy nhiên, Giấy vay nợ chỉ có chữ ký của bà T, không có chữ ký của chồng bà T là ông Dương Văn Q. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q, bà T không đến Tòa án làm việc để xác định đây là khoản vay chung vợ chồng hay khoản vay riêng của bà T. Mặt khác, nguyên đơn bà B cho rằng bà T vay tiền để buôn bán hạt điều nên là khoản nợ chung của vợ chồng bà T, ông Q nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà B không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền trên là khoản nợ chung của bà T và ông Q nên Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ buộc bà T phải trả tiền cho bà B mà không có căn cứ buộc ông Q cùng phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền trên cho bà B.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

#### Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đàm Thị B.

Buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả bà Đàm Thị B và ông Bùi Viết X số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà B, ông Xuân có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/Về án phí: Trả lại bà Đàm Thị B số tiền tạm ứng án phí 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0011515 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Bà Lê Thị T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đinh Thị Hải**